

**Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát**

Báo cáo tài chính riêng Quý 4 năm 2025



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.057.291.764.025</b>	<b>37.824.478.459</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>441.475.459.416</b>	<b>4.734.120.370</b>
1. Tiền	111		441.475.459.416	4.734.120.370
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>615.816.304.609</b>	<b>32.909.877.394</b>
1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	32.700.000.000
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	5	615.816.304.609	209.877.394
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>-</b>	<b>180.480.695</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	19.741.935
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	160.738.760
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.549.311.082.057</b>	<b>2.768.200.000.000</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>19.000.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	19.000.000.000
2. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	31.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	(31.200.000)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	150.860.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(150.860.000)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>2.549.250.000.000</b>	<b>2.749.200.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.549.250.000.000	2.749.200.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>3.606.602.846.082</b>	<b>2.806.024.478.459</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>440.076.680.163</b>	<b>1.198.970.466</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>440.076.680.163</b>	<b>1.198.970.466</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		278.865.043	286.092.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		792.670	-
3. Phải trả người lao động	314		170.868.050	-
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		487.620.000	693.548.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		439.031.525.000	19.431.066
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		107.009.400	199.899.400
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.166.526.165.919</b>	<b>2.804.825.507.993</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>7</b>	<b>3.166.526.165.919</b>	<b>2.804.825.507.993</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.550.000.000.000	2.800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.550.000.000.000	2.800.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		616.526.165.919	4.825.507.993
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ trước	421a		2.749.076.077	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		613.777.089.842	4.825.507.993
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>3.606.602.846.082</b>	<b>2.806.024.478.459</b>



Nguyễn Thị Hồng Thắng  
 Người lập biểu/Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Vân  
 Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 01 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP HÒA PHÁT**

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

MẪU SỐ B 02a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12 /2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Quý 4 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4 năm 2025		Quý 4 năm 2024		Năm 2025		Năm 2024	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-	-	-	-	-	-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	8	617.787.505.203	282.343.273.647	1.984.254.830.202	1.045.652.133.334				
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	9	1.294.056.000	1.119.790.500	1.866.395.920	1.921.406.520				
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-26)	30		616.493.449.203	281.223.483.147	1.982.388.434.282	1.043.730.726.814				
9. Thu nhập khác	31		738	-	738	-				
10. Chi phí khác	32		189.513.495	-	189.513.495	272				
11. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(189.512.757)	-	(189.512.757)	(272)				
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		616.303.936.446	281.223.483.147	1.982.198.921.525	1.043.730.726.542				
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.526.846.604	-	2.534.560.002	-				
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		613.777.089.842	281.223.483.147	1.979.664.361.523	1.043.730.726.542				



**Nguyễn Thị Hồng Thắng**  
**Người lập biểu/Kế toán trưởng**



**Nguyễn Thị Hồng Vân**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 01 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo tài chính riêng giữa niên độ này

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
Cho kỳ từ 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.982.198.921.525	1.043.730.726.542
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.984.254.830.202)	(1.045.652.133.334)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.055.908.677)	(1.921.406.792)
Giảm các khoản phải thu	09	(858.422.202)	-
Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	438.975.423.603	(1.179.988.615)
Giảm chi phí trả trước	12	(41.340.122)	528.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.534.560.002)	(478.952.472)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(92.890.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>433.392.302.600</b>	<b>(3.052.347.879)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(11.000.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	51.700.000.000	111.000.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(200.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	199.950.000.000	400.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.369.667.563.949	1.048.437.316.899
6. Tiền nhận từ công ty con được sáp nhập	28	-	877.507.351
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.621.317.563.949</b>	<b>1.349.314.824.250</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu	32	(250.000.000.000)	(300.000.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.367.968.527.503)	(1.042.537.146.646)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.617.968.527.503)</b>	<b>(1.342.537.146.646)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>436.741.339.046</b>	<b>3.725.329.725</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.734.120.370	1.008.790.645
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>441.475.459.416</b>	<b>4.734.120.370</b>

Nguyễn Thị Hồng Thăng  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Phạm Thị Hồng Vân  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 01 năm 2026

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo tài chính riêng giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 4 NĂM 2025**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0900986272 do Sở Tài chính tỉnh Hưng Yên (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên) cấp ngày 02 tháng 02 năm 2016 và đăng ký thay đổi gần nhất lần thứ 11 ngày 13 tháng 01 năm 2026.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư tài chính.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Thông tin chi tiết về các Công ty con trực tiếp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Hà Nội	99,9375%	99,9375%	Chăn nuôi trâu, bò; hoạt động dịch vụ trồng trọt, chăn nuôi và sau thu hoạch
2	Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (*)	Hưng Yên	99,975%	99,975%	Chăn nuôi, cung cấp heo giống, heo thịt
3	Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	Hưng Yên	100%	100%	Sản xuất, buôn bán thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
4	Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	Phú Thọ	100%	100%	Chăn nuôi gia cầm

## **2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

### **Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### **Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền**

Tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

### **Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông.

### ***Quỹ khen thưởng, phúc lợi***

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

### **Ghi nhận doanh thu**

#### ***Lãi tiền gửi, lãi cho vay và lãi từ hoạt động đầu tư***

Lãi tiền gửi, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con của Công ty, Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát – công ty mẹ, và các công ty con và công ty liên kết của công ty này.

#### 4. TIỀN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	441.475.459.416	4.734.120.370
	<u>441.475.459.416</u>	<u>4.734.120.370</u>

#### 5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	614.762.904.609	-
Lãi phải thu về cho vay	-	175.638.356
Các khoản phải thu khác	1.053.400.000	34.239.038
	<u>615.816.304.609</u>	<u>209.877.394</u>

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	VND Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	VND Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	799.500.000.000	-	(i) 799.500.000.000	799.500.000.000	-	(i)
Công ty Cổ phần Phát triển Chăn nuôi Hòa Phát (*)	999.750.000.000	-	(i) 1.199.700.000.000	1.199.700.000.000	-	(i)
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	400.000.000.000	-	(i) 400.000.000.000	400.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	350.000.000.000		(i) 350.000.000.000	350.000.000.000	-	(i)
	<b>2.549.250.000.000</b>		<b>2.749.200.000.000</b>			

- (i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết.

7. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2024</b>	<b>3.100.000.000.000</b>	<b>1.228.773.783</b>	<b>3.101.228.773.783</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	1.043.730.726.542	1.043.730.726.542
Giảm vốn trong kỳ	(300.000.000.000)	-	(300.000.000.000)
Chia cổ tức	-	(1.042.541.970.552)	(1.042.541.970.552)
Sáp nhập Công ty con	-	2.407.978.220	2.407.978.220
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>2.800.000.000.000</b>	<b>4.825.507.993</b>	<b>2.804.825.507.993</b>
<b>Tại ngày 01/01/2025</b>	<b>2.800.000.000.000</b>	<b>4.825.507.993</b>	<b>2.804.825.507.993</b>
Giảm vốn trong kỳ	(250.000.000.000)	1.979.664.361.523	1.979.664.361.523
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(250.000.000.000)
Chia cổ tức	-	(1.367.963.703.597)	(1.367.963.703.597)
<b>Tại ngày 31/12/2025</b>	<b>2.550.000.000.000</b>	<b>616.526.165.919</b>	<b>3.166.526.165.919</b>

8. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Quý 4 năm 2025</u>	<u>Quý 4 năm 2024</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.600.594	343.273.647
Cổ tức, lợi nhuận được chia	617.762.904.609	282.000.000.000
	<u><u>617.787.505.203</u></u>	<u><u>282.343.273.647</u></u>

9. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

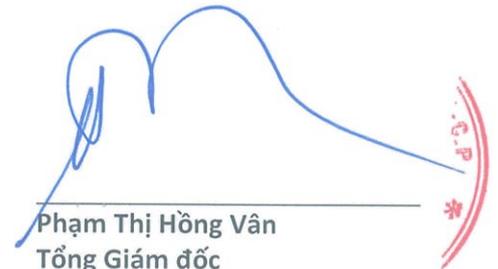
	<u>Quý 4 năm 2025</u>	<u>Quý 4 năm 2024</u>
	VND	VND
Chi phí nhân viên	257.791.319	-
Chi phí mua ngoài	1.036.264.681	1.119.790.500
	<u><u>1.294.056.000</u></u>	<u><u>1.119.790.500</u></u>

10. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH

Lợi nhuận sau thuế Công ty Quý IV năm 2025 là 613.777 triệu đồng, tăng 118% tương ứng 332.554 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2024 (Quý IV năm 2024 là 281.223 triệu đồng) chủ yếu là nhờ lợi nhuận công ty con chuyển về tăng 335.763 triệu đồng.



Nguyễn Thị Hồng Thắng  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Ngày 30 tháng 01 năm 2026